

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 87/2004/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài
trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 66/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 1999 và Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 05 năm 2000 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trái với Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài

trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/05/2004

của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với hoạt động của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam trong các lĩnh vực tư vấn đầu tư và xây dựng, cung cấp vật tư - thiết bị công nghệ kèm theo dịch vụ kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. "Nhà thầu nước ngoài" là tổ chức, cá nhân nước ngoài có năng lực pháp luật dân sự; đối với cá nhân còn phải có năng lực hành vi dân sự để ký kết và thực hiện hợp đồng. Năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của nhà thầu nước ngoài được xác định theo pháp luật của nước mà nhà thầu có quốc tịch.

Nhà thầu nước ngoài có thể là nhà thầu chính, tổng thầu, nhà thầu liên danh, nhà thầu phụ.

2. "Nhà thầu chính" là nhà thầu có quan hệ hợp đồng nhận thầu trực tiếp với chủ đầu tư.

3. "Tổng thầu" là nhà thầu ký kết hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư xây dựng công trình để nhận thầu toàn bộ một loại công việc hoặc toàn bộ công việc của dự án đầu tư xây dựng công trình. Tổng thầu bao gồm các hình thức chủ yếu sau : tổng thầu thiết kế; tổng thầu thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng

công trình; tổng thầu lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình.

4. "Nhà thầu liên danh" là tổ chức (không phải pháp nhân) bao gồm các nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu nước ngoài với nhà thầu Việt Nam trên cơ sở hợp đồng liên danh để cùng dự thầu và cùng thực hiện một hợp đồng nhận thầu tại Việt Nam. Trong hợp đồng liên danh phải quy định rõ trách nhiệm chung và riêng của các nhà thầu tham gia trong liên danh đối với công việc nhận thầu của liên danh, đồng thời xác định nhà thầu đứng đầu lãnh đạo liên danh.

5. "Nhà thầu phụ" là nhà thầu có quan hệ hợp đồng với nhà thầu chính hoặc tổng thầu để thực hiện một phần công việc của nhà thầu chính hoặc tổng thầu.

6. "Văn phòng điều hành" là văn phòng của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động tại địa phương có công trình để thực hiện nhiệm vụ nhận thầu sau khi được cấp giấy phép thầu. Văn phòng điều hành chỉ tồn tại trong thời gian thực hiện hợp đồng và giải thể khi thanh lý hợp đồng.

7. "Người được uỷ quyền" là người được nhà thầu nước ngoài uỷ quyền giao dịch tại Việt Nam nhân danh nhà thầu nước ngoài. Việc uỷ quyền phải phù hợp với pháp luật Việt Nam.

8. "Tư vấn đầu tư và xây dựng" là các công việc có tính chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư và xây dựng bao gồm tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế kiến trúc, thiết kế kỹ thuật, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng và các dịch vụ kỹ thuật, kinh tế - kỹ thuật khác đối với dự án đầu tư xây dựng.

9. "Thi công xây dựng" là việc thực hiện công tác xây dựng và lắp đặt các thiết bị, dây chuyền công nghệ trong công trình để đưa công trình vào vận hành, khai thác, sử dụng theo thiết kế.

10. "Giấy phép thầu" là giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho nhà thầu nước ngoài theo từng hợp đồng sau khi trúng thầu hoặc được lựa chọn thầu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài

1. Nhà thầu nước ngoài chỉ được hoạt động tại Việt Nam sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy phép thầu.
2. Hoạt động của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

Điều 4. Điều kiện để được cấp giấy phép thầu

Để được cấp giấy phép thầu, nhà thầu nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện và yêu cầu sau:

1. Trường hợp đối với gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam:
 - a) Đã trúng thầu hoặc được chọn thầu.
 - b) Đã có hợp đồng giao nhận thầu.
2. Trường hợp đối với gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam:
 - a) Đã trúng thầu hoặc được chọn thầu.
 - b) Đã có hợp đồng giao nhận thầu.
 - c) Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Trong mọi trường hợp được giao thầu (do thắng thầu thông qua đấu thầu hoặc được chọn thầu) nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc phải sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam (trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam).
4. Phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.

Điều 5. Hồ sơ xin cấp giấy phép thầu

1. Để được xem xét cấp giấy phép thầu tại Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải gửi hồ sơ đăng ký tới cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp tại Điều 10 và Điều 16 của

Quy chế này.

Hồ sơ xin cấp giấy phép thầu gồm:

- a) Đơn xin cấp giấy phép thầu (theo mẫu do Bộ Xây dựng hướng dẫn).
- b) Bản sao văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.
- c) Bản sao Giấy phép thành lập và Điều lệ công ty (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức, giấy phép hoạt động tư vấn đối với cá nhân) và chứng chỉ hành nghề của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp.
- d) Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu và báo cáo kiểm toán tài chính trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này).
- e) Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc bản cam kết sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hay hồ sơ chào thầu).
- g) Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

2. Đơn xin cấp giấy phép thầu phải làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ, tài liệu khác của nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự (trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác). Các giấy tờ, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Thời hạn xét cấp giấy phép thầu và lệ phí cấp giấy phép thầu

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 và Điều 16 của Quy chế này xem xét hồ sơ để cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thầu phải trả lời bằng văn bản cho nhà thầu và nêu rõ lý do.

2. Khi nhận giấy phép thầu, nhà thầu nước ngoài phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.